Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Gia Lai **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC: 2021 - 2022
TÍNH ĐẾN 17H00 NGÀY 02/8/2021

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
1	Byor	Nữ	16/12/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40	1		1	41	8.3	16.00
2	Trương Tấn Sang	Nam	13/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	9.1	16.90
3	Nguyễn Thị Đăng Tuyến	Nữ	14/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	9	17.50
4	Nguyễn Quốc Việt	Nam	17/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.9	17.20
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	02/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.9	17.00
6	Trương Thị Khanh Hà	Nữ	22/08/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.6	17.70
7	Trần Kim Huệ	Nữ	26/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.6	17.70
8	Nguyễn Ánh Trúc	Nữ	04/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.6	17.00
9	Đỗ Nguyễn Kiều Vy	Nữ	02/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.5	17.50
10	Trần Vũ Tuấn Ngọc	Nam	30/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.4	15.50
11	H' Thuên	Nữ	14/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	G	T	10	K	T	9	39	1		1	40	8.3	14.30
12	Trần Thị Quỳnh Nhi	Nữ	02/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.2	15.50
13	Nguyễn Thị Bảo Lệ	Nữ	14/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	G	T	10	G	T	10	G	T	10	40				40	8.1	15.70
14	H' Yến Nhi	Nữ	13/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	G	T	10	G	T	10	K	T	9	G	T	10	39	1		1	40	8	14.40
15	Trần Xuân Phong	Nam	07/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	G	T	10	G	T	10	G	T	10	39				39	8.9	16.90
16	Nguyễn Thị Trúc Viên	Nữ	04/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	K	T	9	G	T	10	39				39	8.7	16.20
17	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	20/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	K	T	9	G	T	10	39				39	8.5	14.10
18	Võ Văn Hải	Nam	23/12/2004	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	K	T	9	G	T	10	39				39	8.3	15.30
19	Ừng Nhật Quỳnh	Nữ	04/11/2006	Nùng	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	G	T	10	K	T	9	G	T	10	39				39	8.2	15.00
20	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	Nữ	11/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	G	T	10	G	T	10	39				39	8	15.60
21	Lê Thị Thu Trang	Nữ	07/05/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	G	T	10	G	T	10	G	T	10	K	T	9	39				39	7.9	15.90
22	Trần Thiên Ân	Nữ	08/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	G	T	10	G	T	10	K	T	9	39				39	7.8	14.50
23	Hà Diễm Hằng	Nữ	06/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	G	T	10	G	T	10	K	T	9	39				39	7.7	14.70
24	Phan Công Đại	Nam	19/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	G	T	10	G	T	10	K	T	9	39				39	7.5	12.70
25	Yưng	Nam	01/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	G	T	10	K	T	9	37	1		1	38	8.1	14.60
26	Phạm Thị Ngọc Ánh	Nữ	08/02/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	G	T	10	G	T	10	K	T	9	38				38	8	14.60
27	H' Ju Me	Nữ	20/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	G	T	10	K	T	9	37	1		1	38	8	14.10
28	Siu Phát	Nam	05/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	G	T	10	37	1		1	38	8	13.90
29	Lưu Hương Giang	Nữ	19/05/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	G	T	10	K	T	9	38				38	7.9	15.40
30	Nguyễn Thị Vi La	Nữ	06/07/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	G	T	10	K	T	9	G	T	10	K	T	9	38				38	7.9	14.80
31	Rơ Chăm H' Wery	Nữ	21/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37	1		1	38	7.9	14.60
32	Đào Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	04/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	G	T	10	K	T	9	38				38	7.9	14.50
33	Lê Thảo Vy	Nữ	11/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	K	T	9	G	T	10	K	T	9	38				38	7.9	14.40
34	H' Ksơr Rulan	Nữ	14/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37	1		1	38	7.9	14.30
35	Hồ Nhật Hạ	Nữ	15/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	G	T	10	K	T	9	K	T	9	38				38	7.9	14.10
36	Trần Phan Mỹ Duyên	Nữ	26/06/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	G	T	10	K	T	9	K	T	9	38				38	7.8	15.00
37	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	08/02/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	G	T	10	G	T	10	K	T	9	38				38	7.8	14.70
38	Y Xi Li A	Nữ	20/09/2005	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	G	T	10	K	T	9	37	1		1	38	7.8	14.60
39	Ksor Y Jun	Nam	16/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37	1		1	38	7.4	13.70
40	H' Bưnh	Nữ	26/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37	1		1	38	7.3	11.90
41	Lê Vũ Phương Trinh	Nữ	19/03/2006	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	G	T	10	K	T	9	G	T	10	K	T	9	38				38	7	13.40

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
42	Rah Lan Hyin	Nữ	18/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	8.3	14.00
43	Võ Lê Diệu Linh	Nữ	02/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	G	T	10	37				37	8.3	13.40
44	Nguyễn Thị Khánh Chi	Nữ	27/11/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37				37	8.2	14.90
45	Phạm Quỳnh Thanh Trúc	Nữ	30/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	8.1	14.90
46	Nguyễn Hoàng Khải	Nam	11/06/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	G	T	10	37				37	8	15.40
47	Trần Thị Mai Trúc	Nữ	03/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	K	T	9	G	T	10	37				37	8	15.40
48	Đỗ Thị Mỹ Linh	Nữ	12/08/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	G	T	10	37				37	8	15.10
49	Nguyễn Thị Thùy Uyên	Nữ	02/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	G	T	10	37				37	8	15.00
50	Hà Thị Mỹ Dung	Nữ	07/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37				37	7.9	15.50
51	Y Hlinh	Nữ	22/07/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.9	15.20
52	H' Long	Nữ	18/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.9	13.60
53	Nguyễn Thị Diễm Quyên	Nữ	17/12/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37				37	7.9	12.70
54	Nguyễn Hà Hoàng Uyên	Nữ	14/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.9	11.90
55	Lữ Thị Như Ý	Nữ	23/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37				37	7.8	15.10
56	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	05/04/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37				37	7.8	14.70
57	Phan Thị Ngọc Mai	Nữ	13/08/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.8	14.60
58	Yin	Nữ	28/03/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.8	13.70
59	Nguyễn Nhật Trường	Nam	12/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.7	14.30
60	H, Hễu	Nữ	17/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.7	13.90
61	Kao	Nữ	08/07/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.6	13.80
62	H' Chi	Nữ	16/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.6	13.20
63	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	08/03/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.5	14.40
64	Ngô Hoàng Minh Khôi	Nam	28/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	G	T	10	K	T	9	37				37	7.5	14.10
65	Nguyễn Trọng Minh	Nam	11/06/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	G	T	10	K	T	9	K	T	9	37				37	7.5	13.90
66	Rơmah H'ngliễu	Nữ	22/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.5	13.70
67	H' Ý	Nữ	04/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.5	13.50
68	Bùi Thị Anh Thư	Nữ	23/08/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.5	13.40
69	H' Rơhmach	Nữ	09/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.5	13.30
70	Phạm Công	Nam	01/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.5	11.50
71	Khẩu	Nữ	10/02/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.4	14.40
72	Nguyễn Thị Trà Ny	Nữ	02/10/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.4	13.50
73	Hồng	Nữ	25/05/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.4	13.30
74	Rơ Lan Ni A	Nữ	06/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.4	13.00
75	Puih Châu	Nữ	15/09/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.4	11.50
76	H' Yoang	Nữ	27/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.3	12.10
77	Trần Thị Kiều Vấn	Nữ	20/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7.2	13.30
78	H' Gi Sa	Nữ	24/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.2	12.50
79	Alik	Nữ	15/04/2006	Ba-na	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.1	12.70
80	Y_ Tâng	Nam	28/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36	1		1	37	7.1	11.60
81	Ung Thị Quỳnh Nhi	Nữ	24/04/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	G	T	10	K	T	9	K	T	9	K	T	9	37				37	7	12.50
82	Đặng Đức Thành	Nam	26/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.9	14.90
83	Lương Thị Hồng Phúc	Nữ	14/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.9	14.60
84	Võ Thị Quỳnh Như	Nữ	08/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.9	13.30
85	Nguyễn Đỗ Thành Đạt	Nam	18/01/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.8	15.50
86	Võ Đặng Tuyết Vân	Nữ	27/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.8	15.40

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
87	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	01/09/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.8	14.90
88	Trần Thị Oanh Kiều	Nữ	03/02/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.8	14.50
89	Hồ Hoàng Ngân	Nam	20/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.7	13.60
90	Lê Thị Như Thơm	Nữ	05/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.7	13.20
91	Mai Lê Kiều Oanh	Nữ	25/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.6	13.90
92	Lê Hồng Nam	Nam	07/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.6	13.30
93	Nguyễn Mai Bảo Châu	Nữ	14/08/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.6	12.40
94	Trần Thị Thu Thanh	Nữ	28/08/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	15.40
95	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nữ	07/04/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	14.30
96	Phan Thị Kim Liên	Nữ	19/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	14.10
97	Huỳnh Thị Ngọc Thi	Nữ	14/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	13.90
98	Lê Xuân Cường	Nam	14/05/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	13.40
99	Nguyễn Văn Trí	Nam	12/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	13.20
100	Trần Lê Như Quỳnh	Nữ	27/02/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.5	13.20
101	Nguyễn Minh Nhật Tân	Nam	05/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.4	14.10
102	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Nữ	15/06/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.3	13.10
103	Nguyễn Hồ Yến Nhi	Nữ	03/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.3	12.70
104	Bùi Hoàng Đức Duy	Nam	14/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.2	13.10
105	Trần Thị Kim Lợi	Nữ	18/03/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.1	14.40
106	Huỳnh Sỹ Luân	Nam	18/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7.1	14.10
107	Nguyễn Thị Hiền Trang	Nữ	08/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	7	13.40
108	Vũ Chân Huyền	Nữ	15/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.9	13.40
109	Hoàng Phương Linh	Nữ	20/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.9	13.00
110	Lê Hữu Tài	Nam	11/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.9	11.60
111	Lê Minh Kha	Nam	16/04/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.8	13.10
112	Nguyễn Xuân Quang	Nam	11/02/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.8	12.30
113	Lê Minh Quân	Nam	12/04/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.8	11.40
114	Phạm Lê Bảo Hân	Nữ	14/07/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.6	13.10
115	Nguyễn Quốc Tú	Nam	11/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.6	12.00
116	Nguyễn Hùng Mạnh	Nam	11/06/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.6	11.30
117	Phạm Văn Mạnh	Nam	03/03/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	K	T	9	36				36	6.5	12.50
118	Rơ Mah Thuin	Nữ	29/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	8	13.80
119	H' Ân	Nữ	20/02/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.9	14.40
120	Tin	Nam	20/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.8	15.30
121	Rơ Mah Châu	Nam	24/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.6	14.10
122	Siu H' Ma Li Ta	Nữ	05/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.6	13.40
123	H' Lis - Sa	Nữ	30/09/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.6	13.20
124	H' Henri	Nữ	17/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.5	13.40
125	Phạm Thị Ngân H' Hà	Nữ	22/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.5	13.20
126	Yươi	Nữ	08/07/2005	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.5	12.90
127	Thơ La	Nam	25/03/2004	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.4	13.50
128	Võ Huy Nhật	Nam	31/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	K	K	8	K	T	9	35				35	7.4	13.40
129	Siu H' Li Sa Bet	Nữ	20/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.4	13.20
130	H' Sơ	Nữ	01/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.4	12.60
131	Võ Xuân Thiện	Nam	03/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	K	8	K	T	9	K	T	9	35				35	7.4	12.40

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
132	Rah Lan H' Lệ	Nữ	12/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.3	13.00
133	Y -ha Man	Nam	01/02/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.2	12.20
134	Thuin	Nam	01/01/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.1	12.60
135	Puih Yiệp	Nữ	09/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	7.1	11.90
136	Siu Gái	Nữ	04/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34	1		1	35	7	11.90
137	H' Ly - Pha	Nữ	08/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34	1		1	35	6.9	12.40
138	H' Yim	Nữ	15/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34	1		1	35	6.3	12.00
139	Bùi Viết Lâm	Nam	18/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	8.1	13.80
140	Trần Hoàng Ân	Nữ	02/12/2006	Kinh	Trường QT Châu Á Thái Bình Dươn	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	7.9	14.00
141	Phan Ngọc Sáng	Nam	21/04/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	7.7	15.90
142	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	29/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	7.7	14.20
143	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	13/08/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7.7	13.80
144	Phạm Thị Mỹ Duyên	Nữ	01/06/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	7.6	13.20
145	La Thái An	Nam	11/06/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	7.6	13.10
146	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	29/01/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	7.5	12.80
147	Nguyễn Tiến Thành	Nam	16/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7.4	13.60
148	Lê Thị Tuyết Nhi	Nữ	23/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	7.2	13.60
149	Bùi Anh Minh	Nam	01/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	7.2	12.90
150	Đinh Tuyết Trinh	Nữ	14/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7.2	12.50
151	Y Sê Ya	Nam	25/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	K	8	K	T	9	K	T	9	33	1		1	34	7.2	12.50
152	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	02/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34				34	7.1	14.30
153	Nguyễn Tấn Huy	Nam	08/08/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7.1	12.70
154	Đỗ Đức Thịnh	Nam	22/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	7.1	12.50
155	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	08/12/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7.1	12.30
156	Nguyễn Trần Hoàng Nam	Nam	14/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7.1	11.50
157	Nguyễn Trung Nghĩa	Nam	05/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	7	12.40
158	Trương Hoàng Anh	Nam	22/03/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	7	12.30
159	Hoàng Lệ Thu	Nữ	31/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	7	11.20
160	Võ Thị Như Hoài	Nữ	01/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	6.9	12.80
161	Hà Mạnh Danh	Nam	20/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	6.9	12.40
162	Lê Thị Mỹ Linh	Nữ	14/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34				34	6.9	12.30
163	Võ Trần Tú Uyên	Nữ	10/01/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34				34	6.9	12.00
164	Phan Lê Minh Ngân	Nữ	07/05/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	6.8	13.60
165	Lê Thu Hằng	Nữ	10/06/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	34				34	6.8	12.80
166	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Nữ	07/09/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	34				34	6.8	12.20
167	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	08/01/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34				34	6.8	11.60
168	Phan Văn Duy Bảo	Nam	28/10/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	K	T	9	34				34	6.7	11.00
169	Nguyễn Khoa Triều Phong	Nam	09/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34				34	6.5	12.30
170	Trần Xuân Long	Nam	14/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	34				34	6.5	10.30
171	Vạn Bảo Hoàng	Nam	15/05/2006	Hoa	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	K	8	TB	T	7	K	T	9	33				33	7.8	14.70
172	Y - Ly	Nam	28/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32	1		1	33	7.6	12.60
173	H'thoang	Nữ	20/05/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32	1		1	33	7.5	13.30
174	Phan Thị Thuỷ Kiều	Nữ	13/06/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	K	K	8	TB	T	7	K	T	9	33				33	7.5	13.00
175	Y - Kính	Nữ	22/07/2006	Xơ-đăng	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32	1		1	33	7.5	11.30
176	Han	Nữ	27/06/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	7.4	13.70

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
177	Hen	Nữ	29/01/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	7.4	13.40
178	Lã Đỗ Đức Lương	Nam	08/02/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	K	T	9	33				33	7.4	13.40
179	Phạm Quốc Hiệp	Nam	10/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	K	K	8	33				33	7.3	12.80
180	Puih Pen	Nữ	12/12/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	7.3	12.70
181	H' Hă	Nữ	29/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	7.3	12.60
182	Phạm Ngô Gia Vỹ	Nam	16/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	33				33	7.2	14.50
183	Sê The	Nữ	04/01/2006	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	32	1		1	33	7.2	12.30
184	Rah Lan Y Sai	Nam	24/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	7.2	12.30
185	Trần Quốc Nguyên	Nam	22/08/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	K	K	8	K	T	9	33				33	7.1	13.70
186	Puih Thêm	Nữ	16/09/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	7.1	12.20
187	Huệ	Nữ	25/02/2006	Ba-na	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	6.8	12.70
188	Y Cẩm Vân	Nữ	30/10/2006	Xơ-đăng	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32	1		1	33	6.8	12.60
189	Nguyễn Huỳnh Diệu Linh	Nữ	31/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	K	6	33				33	6.7	11.80
190	Răh Lan H'thu	Nữ	06/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32	1		1	33	6.4	9.80
191	Huỳnh Trọng Nghĩa	Nam	10/06/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	T	9	TB	K	6	33				33	5.9	10.50
192	Nguyễn Võ Như Diễm	Nữ	21/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	K	6	K	K	8	K	T	9	32				32	8.1	14.20
193	Huỳnh Ngọc Trâm	Nữ	15/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7.9	15.20
194	Mai Nguyễn Tùng Lâm	Nam	02/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7.8	13.30
195	Ngô Thị Kiều Hoa	Nữ	23/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.7	14.90
196	Rah Lan H' Yaly	Nữ	04/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7.7	13.40
197	Trần Thị Minh Nhật	Nữ	07/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.6	15.30
198	Phan Hồng Mai	Nữ	14/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.4	12.40
199	Nguyễn Thế Bảo	Nam	17/08/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7.3	14.60
200	Võ Thị Thu Hương	Nữ	09/02/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.3	13.90
201	Nguyễn Minh Quang	Nam	06/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	K	8	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	32				32	7.3	13.80
202	Đặng Văn Đức	Nam	03/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	7.3	13.40
203	Phạm Đinh Gia Hân	Nữ	16/02/2006	Ba-na	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	K	8	31	1		1	32	7.3	13.00
204	Trang	Nữ	11/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	31	1		1	32	7.3	12.90
205	Hồ Thị Kim Hà	Nữ	10/06/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	32				32	7.3	11.20
206	Lâm Văn Duẩn	Nam	18/10/2006	Kinh	Trường THCS Đức Lân	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.2	14.00
207	Phạm Văn Tân	Nam	11/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.2	13.20
208	Nguyễn Mai Trân	Nữ	30/11/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7.1	13.30
209	Hoàng Mai Tuấn Anh	Nam	13/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	7.1	13.10
210	Trình Ngọc Lan Anh	Nữ	16/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7.1	12.10
211	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	12/12/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	32				32	7.1	12.10
212	Bùi Thị Bích Diễm	Nữ	02/06/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	7.1	11.90
213	Nguyễn Phan Minh Hoàng	Nam	27/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	32				32	7.1	11.70
214	Lê Như Quỳnh	Nữ	30/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	7.1	11.60
215	Lê Hoàng Tuấn Tú	Nam	11/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	7.1	10.70
216	Trà Nguyễn Kim Ngân	Nữ	19/12/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	7	13.20
217	Phạm Trần Mạnh Vương	Nam	28/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	7	12.90
218	H - Khai	Nữ	24/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	31	1		1	32	7	12.70
219	Trần Phương Thủy	Nữ	17/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	7	12.30
220	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Nữ	27/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	7	12.00
221	Nguyễn Ngô Thùy Dương	Nữ	17/09/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	7	11.60

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
222	H' Khuen	Nữ	26/01/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	31	1		1	32	6.9	12.50
223	Huỳnh Trọng Hiếu	Nam	24/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	6.9	12.20
224	Hăn	Nữ	25/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	31	1		1	32	6.9	11.50
225	Nguyễn Sỹ Hiệp	Nam	30/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.9	11.20
226	Phạm Ngọc Thiên Thư	Nữ	18/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.8	13.60
227	Văn Thị Thanh Thuận	Nữ	18/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.8	13.40
228	Đặng Yến Vy	Nữ	13/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	6.8	12.80
229	Lê Diệu Thiện	Nữ	27/08/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	6.8	12.20
230	Nguyễn Lê Thảo Trang	Nữ	17/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.8	12.20
231	Đỗ Thùy Bảo Trân	Nữ	09/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.7	13.50
232	Nguyễn Lê Hoàng Hậu	Nữ	28/12/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	6.7	13.20
233	Hồ Dương Nhật Minh	Nam	06/02/2005	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	K	K	8	TB	K	6	32				32	6.7	12.90
234	Nguyễn Văn Khánh	Nam	21/11/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	32				32	6.7	12.50
235	Nguyễn Ngọc Kim Yến	Nữ	29/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.7	12.40
236	Tạ Minh Tuấn	Nam	18/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.7	10.60
237	Nguyễn Cát Nhi	Nữ	30/05/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.6	11.30
238	Lê Hồng Thanh Lam	Nữ	20/12/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.6	11.30
239	Trần Thị Yến Vi	Nữ	13/08/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	32				32	6.5	13.80
240	Huỳnh Hữu Hậu	Nam	10/12/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	32				32	6.5	12.40
241	Phạm Bá Toàn	Nam	28/07/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.5	11.70
242	Phạm Trung Kiên	Nam	04/07/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.4	12.30
243	Nguyễn Thu Quỳnh	Nữ	10/04/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.4	12.10
244	Nguyễn Ngọc Kiều Trinh	Nữ	24/04/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.4	11.10
245	Trịnh Anh Khoa	Nam	25/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.4	11.00
246	Hồ Hồng Phúc	Nam	05/01/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.4	10.90
247	Lê Trung Sơn	Nam	20/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.4	10.90
248	Phan Anh Thi	Nam	03/07/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.4	10.30
249	Nguyễn Lê Tường An	Nữ	18/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.4	9.10
250	Nguyễn Duy Hưng	Nam	02/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	32				32	6.1	10.80
251	Nguyễn Phúc Như Ý	Nữ	15/09/2006	Kinh	Trường THCS Tân Phú	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	32				32	6.1	10.60
252	R Châm Siên	Nữ	06/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30	1		1	31	7.7	13.70
253	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	14/03/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	31				31	7.7	12.70
254	Nguyễn Văn Cường	Nam	05/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	7.7	12.60
255	Lê Quang Tiến	Nam	18/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	31				31	7.6	14.00
256	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	Nữ	31/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	31				31	7.5	13.80
257	Lê Thái Phong	Nam	04/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	7.5	13.60
258	Lê Minh Anh	Nam	17/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	31				31	7.4	13.70
259	Trần Mỹ Trang	Nữ	29/04/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	K	K	8	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	31				31	7.4	13.30
260	Nguyễn Mỹ Phương	Nữ	18/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	31				31	7.3	14.50
261	Rơ Châm Vin	Nữ	30/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30	1		1	31	7.3	13.10
262	Trà Văn Trọng Khiêm	Nam	05/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	7.1	13.80
263	Võ Huỳnh Xuân Như	Nữ	29/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	31				31	7.1	12.80
264	Y - Ru Ni	Nam	17/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30	1		1	31	7.1	12.50
265	Hồ Nguyễn Hoàng Gia	Nam	13/12/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	31				31	7.1	12.30
266	Trần Quốc Long	Nam	15/06/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	31				31	7.1	10.40

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
267	Đặng Anh Thư	Nữ	22/10/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	31				31	7	13.00
268	Lương	Nam	30/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30	1		1	31	7	11.60
269	H' Thúy	Nữ	09/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30	1		1	31	7	10.40
270	Nguyễn Lê Việt Hoàng	Nam	17/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	31				31	6.9	14.20
271	Trần Thị Minh Lan	Nữ	28/11/2005	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	6.9	13.10
272	Đinh Thị Ni Na	Nữ	07/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	K	K	8	K	T	9	31				31	6.9	12.90
273	Nguyễn Văn Tiến Đạt	Nam	21/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	6.9	12.90
274	Ni - Sinh	Nam	01/11/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30	1		1	31	6.9	12.20
275	Rơ Cõm Phong	Nam	30/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30	1		1	31	6.9	12.00
276	Mai Thị Hải Anh	Nữ	16/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	31				31	6.9	11.90
277	H' Alăm	Nữ	19/02/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30	1		1	31	6.9	11.90
278	Đặng Văn Quang	Nam	08/03/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	31				31	6.8	11.90
279	Siu Hakhi	Nam	29/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30	1		1	31	6.8	11.40
280	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Nữ	02/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	31				31	6.8	11.00
281	Nguyễn Bảo Vi	Nữ	06/08/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	6.7	13.50
282	Trà Thái Nguyên	Nam	12/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	31				31	6.7	12.30
283	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	11/07/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	K	8	K	K	8	TB	K	6	31				31	6.7	10.00
284	Võ Đức Minh Quân	Nam	14/05/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	K	T	9	31				31	6.6	13.60
285	Phan Thị Kiều Trang	Nữ	28/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	31				31	6.6	13.50
286	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	08/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	31				31	6.6	11.80
287	Phan Ngọc Huy Hoàng	Nam	25/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	31				31	6.6	9.60
288	Nguyễn Thị Yến	Nữ	24/12/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	31				31	6.5	12.10
289	Hoàng Anh Khoa	Nam	17/02/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	31				31	6.5	11.80
290	Nguyễn Hoàng Kiều Ngân	Nữ	31/10/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	31				31	6.4	10.20
291	Đỗ Văn Đạt	Nam	28/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	K	K	8	TB	T	7	TB	T	7	31				31	6.4	10.00
292	Hồ Thị Hồng Lương	Nữ	12/09/2006	Kinh	Trường THCS Tôn Đức Thắng	K	T	9	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	31				31	6.3	11.30
293	Trần Khắc Lê	Nam	06/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	31				31	6.3	9.40
294	Đặng Gia Bảo	Nam	04/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	31				31	6.1	10.40
295	Lê Minh Nhân	Nam	05/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	31				31	5.9	8.70
296	Nguyễn Vũ Đức Khánh	Nam	24/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.8	13.90
297	Nguyễn Toàn Thịnh	Nam	27/02/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.7	13.40
298	Bùi Viết Thanh Loan	Nữ	09/01/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.7	12.40
299	Phan Khánh Nhi	Nữ	28/07/2005	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	7.6	12.30
300	Nguyễn Thành Hưng	Nam	25/10/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.5	14.50
301	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	16/06/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	30				30	7.5	13.80
302	Phạm Trung Tín	Nam	22/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.5	11.50
303	Nguyễn Hữu Phú	Nam	22/11/2006	Kinh	TH, THCS & THPT Sao Việt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.5	10.90
304	Ngô Vĩnh Hoàng	Nam	22/04/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30				30	7.4	11.50
305	Nguyễn Huy Khánh	Nam	18/03/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.3	13.50
306	Ninh Vũ Đức Đạt	Nam	14/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.3	12.10
307	Nguyễn Thị Quỳnh My	Nữ	23/07/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	7.3	11.40
308	Bạch Xuân Nguyên	Nam	19/08/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.3	10.40
309	Phạm Ngọc Huy	Nam	09/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.2	14.20
310	Trương Tấn Duy	Nam	11/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.2	11.90
311	Phạm Thành Tân	Nam	05/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.2	11.70

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
312	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	02/09/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	K	T	9	30				30	7.1	12.80
313	Nguyễn Thị Mai Lan	Nữ	29/12/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.1	12.20
314	Phạm Thị Tường Nhi	Nữ	18/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.1	12.10
315	Nguyễn Tường Vy	Nữ	15/05/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7.1	11.70
316	Nguyễn Hoàng Luân	Nam	01/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	7.1	11.70
317	Dương Quang Trường	Nam	13/06/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	30				30	7.1	10.60
318	Nguyễn Ý Thiên Nhân	Nữ	05/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	30				30	7	13.70
319	Nguyễn Thành Đạt	Nam	01/05/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7	12.80
320	Trương Văn Vũ	Nam	26/09/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7	12.30
321	Nguyễn Phương Anh	Nữ	09/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7	12.30
322	Lê Thị Hồng Hoa	Nữ	13/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30				30	7	12.20
323	Phạm Thị Mỹ Diệu	Nữ	05/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	K	6	K	K	8	K	T	9	30				30	7	12.10
324	Nguyễn Trung Nghĩa	Nam	24/02/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	7	12.00
325	Kiêm	Nam	23/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	29	1		1	30	6.9	12.90
326	Trịnh Chấn Vĩ	Nam	07/06/2006	Hoa	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	29	1		1	30	6.9	12.50
327	Nguyễn Vũ Quốc Khánh	Nam	24/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.9	11.50
328	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	14/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.9	11.50
329	Nguyễn Lê Thúy Quyên	Nữ	13/07/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.8	12.10
330	Vũ Xuân Phúc	Nam	01/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.8	11.90
331	Võ Văn Dũng	Nam	15/05/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.8	11.70
332	Kơ Pă Trang	Nữ	21/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	29	1		1	30	6.8	11.20
333	Lê Thị Thanh Thùy	Nữ	18/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.8	11.00
334	Trần Hoàng Nguyên Long	Nam	05/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	30				30	6.8	10.00
335	Bùi Xuân Chính	Nam	14/04/2005	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.7	12.00
336	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	19/04/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.7	11.80
337	Lê Thị Thảo Vy	Nữ	18/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.7	11.70
338	Nguyễn Thị Bích Quyên	Nữ	19/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.7	11.70
339	Trịnh Thị Hiền	Nữ	10/07/2006	Kinh	Trường THCS Tôn Đức Thắng	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.7	11.40
340	Nguyễn Huệ Quốc Vương	Nam	30/12/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.7	11.40
341	Võ Gia Hưng	Nam	05/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.7	11.00
342	Đinh Gia Lâm	Nam	09/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	30				30	6.7	10.90
343	Lê Thị Sương Tuyết	Nữ	19/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.7	10.70
344	Bùi Thị Thanh Hậu	Nữ	21/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.6	12.10
345	Trần Gia Bảo	Nam	04/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	30				30	6.6	10.10
346	Nguyễn Công Dương	Nam	27/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30				30	6.5	12.20
347	R' Cơm H Miệt	Nữ	12/01/2006	Gia-rai	THCS Huỳnh Thúc Kháng	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29	1		1	30	6.5	11.40
348	Nguyễn Đình Đạt	Nam	18/09/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.5	11.10
349	Đỗ Nguyễn Như Ý	Nữ	21/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.5	10.90
350	Phạm Tấn Thọ	Nam	25/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.5	10.80
351	Nguyễn Thị Thu Tâm	Nữ	23/12/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	12.60
352	Hoàng Văn Vũ	Nam	29/12/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	12.00
353	Lê Gia Phát	Nam	07/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	11.60
354	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	10/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	11.20
355	Hà Quốc Bình	Nam	02/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	9.80
356	Giang Lê Minh	Nam	07/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	9.30

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
357	Huỳnh Nữ Trà My	Nữ	06/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.4	9.00
358	Khổng Kỳ Trâm	Nữ	30/10/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.3	12.10
359	Phan Thanh Tuyền	Nữ	27/07/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.3	10.90
360	Phạm Viết Quân	Nam	02/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	K	6	K	T	9	TB	K	6	30				30	6.3	10.60
361	Nguyễn Trung Kiên	Nam	24/12/2005	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.3	10.40
362	Trương Thị Hồng Hà	Nữ	01/03/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.2	11.80
363	Trần Văn Tân	Nam	19/11/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30				30	6.2	11.00
364	Lê Phạm Minh Duy	Nam	05/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.2	11.00
365	Nguyễn Huỳnh Tấn Hải	Nam	18/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.2	10.30
366	Võ Nguyễn Quang Quý	Nam	03/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6.2	9.70
367	Nguyễn Thành An	Nam	25/01/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	30				30	6	10.80
368	Nguyễn Trung Kiên	Nam	03/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	6	10.10
369	Sử Khắc Sinh	Nam	01/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	5.8	9.30
370	Võ Thị Bích Hạnh	Nữ	31/12/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	30				30	5.8	8.80
371	Đỗ Ái Ny	Nữ	31/05/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	K	K	8	TB	T	7	TB	K	6	30				30	5.7	9.10
372	Hoàng Thị Thu Nhi	Nữ	12/08/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	7.7	12.10
373	Nguyễn Thành Nhân	Nam	11/10/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	K	6	K	K	8	K	T	9	29				29	7.3	13.70
374	Puih Chiến	Nam	18/04/2004	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	28	1		1	29	7.3	12.00
375	Phan Trương Quốc Huy	Nam	07/10/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	29				29	7.2	11.90
376	Lê Anh Vũ	Nam	21/02/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	7.2	11.60
377	Nguyễn Lan Vy	Nữ	23/10/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	29				29	7.2	11.10
378	Trần Văn Anh	Nam	02/02/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	K	K	8	TB	T	7	TB	T	7	29				29	7.2	10.90
379	Puih Ayaih	Nữ	01/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	7.1	13.00
380	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	02/07/2005	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	29				29	7.1	12.20
381	Lê Hoàng Phi Hùng	Nam	14/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	29				29	7.1	12.00
382	Nguyễn Đào Yến Nhi	Nữ	26/07/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	29				29	7.1	11.70
383	Huỳnh Ngọc Yến	Nữ	07/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	29				29	7.1	11.50
384	Đỗ Khánh Linh	Nữ	30/10/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	29				29	7	13.00
385	Nguyễn Anh Quốc	Nam	16/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	29				29	7	11.90
386	Kơ Pă Hliệu	Nữ	03/02/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	7	11.30
387	Nguyễn Văn Phước	Nam	10/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	7	11.20
388	Rơ Châm Yunh	Nữ	16/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	7	11.10
389	Võ Anh Huy	Nam	15/12/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	K	K	8	29				29	7	10.70
390	Ra Lan Gia Long	Nam	02/02/2005	Gia-rai	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	7	10.10
391	Trần Công Thiện	Nam	26/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	6.9	14.00
392	Lê Hoài Thy	Nữ	03/01/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	29				29	6.9	12.20
393	Wen	Nam	19/01/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.9	11.90
394	Nguyễn Gia Huy	Nam	14/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	6.9	11.90
395	Puih Diêm	Nữ	22/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.9	11.90
396	Kơ Sơr Y - Sôl	Nam	01/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.9	11.60
397	Trần Quốc Toản	Nam	30/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	6.9	11.20
398	Trương Lê Viết Nguyễn	Nam	02/02/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	29				29	6.8	13.90
399	Nguyễn Ngọc Nhật	Nam	18/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	6.8	12.20
400	Nguyễn Việt Chiến	Nam	20/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	K	K	8	TB	T	7	29				29	6.8	10.60
401	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	04/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	29				29	6.7	12.80

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
402	Be	Nam	10/12/2005	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.7	11.30
403	Lê Anh Khoa	Nam	16/10/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	29				29	6.6	12.70
404	Nguyễn Trường Phú	Nam	01/05/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	K	T	9	29				29	6.6	11.90
405	H' Yiễm	Nữ	06/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.6	10.70
406	Phạm Thu Trà	Nữ	03/07/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	29				29	6.6	10.10
407	Puih. H - Loan	Nữ	16/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.6	9.80
408	Nguyễn Hoàng Vinh	Nam	08/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	6.5	11.20
409	Lê Nguyễn Tuấn Anh	Nam	17/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.5	10.80
410	Nguyễn Đức Tâm	Nam	12/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	6.5	10.60
411	Siu Quyền	Nam	30/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.5	10.60
412	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	07/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.5	9.70
413	Hoàng Minh Dương	Nam	22/07/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	K	6	K	K	8	TB	K	6	29				29	6.5	9.30
414	Vũ Quốc Duy	Nam	24/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	6.4	11.70
415	Lê Nguyễn Tường An	Nữ	31/10/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	6.4	8.50
416	Nguyễn Nhật Tiến	Nam	14/10/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.3	11.30
417	Lê Ngọc Thạch	Nam	08/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.3	11.00
418	Nguyễn Mai Trúc Loan	Nữ	11/06/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.3	10.70
419	H' Yin	Nữ	18/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.3	10.50
420	Puih - Dji	Nam	22/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	28	1		1	29	6.3	10.40
421	Nguyễn Chí Tâm	Nam	24/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	6.3	9.90
422	Nguyễn Hữu Tân	Nam	29/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	29				29	6.3	9.90
423	Lưu Xuân Linh	Nam	02/08/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.2	10.60
424	Un - Suk	Nữ	01/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28	1		1	29	6.2	10.30
425	Huỳnh Mai Phương Trinh	Nữ	11/07/2006	Kinh	Trường QT Châu Á Thái Bình Dương	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	29				29	6.1	11.00
426	Nguyễn Công Thành	Nam	30/11/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	29				29	6.1	10.70
427	Đỗ Gia Hưng	Nam	11/05/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	29				29	6.1	10.50
428	Puih Byung	Nam	24/05/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27	2		2	29	6.1	10.10
429	Nguyễn Phan Thanh Trọng	Nam	20/02/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	6.1	9.70
430	Sin	Nam	05/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	6.1	9.20
431	Lê Văn Thông	Nam	18/05/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	K	T	9	TB	T	7	29				29	6	10.70
432	Hà Nguyễn Hồng Đức	Nam	13/10/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	K	6	K	K	8	TB	K	6	29				29	6	10.10
433	Nguyễn Tấn Lực	Nam	01/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	TB	T	7	29				29	6	9.80
434	Siu H'yêu	Nữ	21/12/2006	Gia-rai	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	5.8	9.30
435	Lê Tô Ny	Nữ	03/04/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	29				29	5.8	9.10
436	H' Dưa	Nữ	26/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28	1		1	29	5.6	8.90
437	Bùi Ngọc Phương Nhi	Nữ	02/09/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	29				29	5.4	8.40
438	Trần Văn Thành	Nam	27/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	28				28	7.4	12.20
439	Lê Thị Quỳnh Trâm	Nữ	14/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7.3	12.80
440	Nguyễn Hữu Nhật	Nam	26/01/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7.2	12.20
441	Lê Huỳnh Nghĩa	Nam	13/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7.2	11.40
442	Ngô Trần Gia Phúc	Nam	29/04/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	28				28	7.1	13.90
443	Lê Trung Tín	Nam	11/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	28				28	7.1	13.60
444	Lê Thành Nam	Nam	16/07/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	28				28	7.1	12.40
445	Phạm Năng Thuận	Nam	15/07/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7.1	11.70
446	Trần Văn Trường	Nam	18/06/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7.1	11.20

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
447	Rah Lan Hiên	Nữ	20/06/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	7.1	10.60
448	Trịnh Trần Thiện Mỹ	Nữ	15/08/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	28				28	7	13.00
449	Phạm Trung Hiếu	Nam	01/04/2006	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	28				28	7	12.60
450	Nguyễn Thành Đạt	Nam	02/12/2006	Kinh	Trường THCS Tôn Đức Thắng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7	12.10
451	Phạm Tấn Thành	Nam	06/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7	12.00
452	Lò Thị Thu Nguyệt	Nữ	03/11/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	7	11.10
453	Lê Phạm Triệu Thiên Ngân	Nữ	14/12/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	28				28	7	10.20
454	Trương Hồ Sỹ	Nam	25/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	TB	5	TB	T	7	K	T	9	28				28	6.9	12.00
455	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	20/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	T	9	28				28	6.9	11.80
456	Nguyễn Nhật Trường Giang	Nam	13/07/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6.9	11.40
457	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	19/11/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.9	11.30
458	Rah Lan Khanh	Nữ	07/08/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.9	11.10
459	Trần Trương Nhật Hào	Nam	14/07/2005	Hoa	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.9	11.00
460	Lê Công Cường	Nam	12/11/2005	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.9	10.00
461	Trần Ngọc Hà	Nam	06/01/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.8	12.90
462	Nguyễn Thiện Tâm Bảo	Nam	18/11/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.8	11.60
463	A Ka Thương	Nữ	08/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6.8	11.50
464	Lê Minh Tiến	Nam	24/10/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.8	10.90
465	Chuin	Nam	22/05/2004	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6.8	10.90
466	Nguyễn Thị Diệu Ly	Nữ	17/05/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.7	12.20
467	Lê Phương Thảo Nguyên	Nữ	23/09/2005	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.7	12.10
468	Nguyễn Ngọc Hà	Nam	20/10/2005	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.7	11.20
469	Nguyễn Anh Nhật	Nam	02/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.7	11.20
470	Nguyễn Gia Huy	Nam	15/12/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.7	10.90
471	H' Ne	Nữ	12/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6.7	10.60
472	Đặng Thị Minh Anh	Nữ	14/02/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.7	10.30
473	Nguyễn Trần Phùng Hưng	Nam	17/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	K	K	8	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6.6	13.10
474	Phan Thị Kiều Nga	Nữ	23/01/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.6	12.30
475	Rơ Châm Duy	Nam	12/01/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6.6	10.70
476	Phạm Thị Ý Vy	Nữ	20/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.6	10.60
477	Dương Đình Hoàng	Nam	17/09/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.6	10.30
478	Nguyễn Phước Hậu	Nam	09/05/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6.6	9.80
479	Ngô Ngọc Hùng	Nam	17/10/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.5	10.70
480	Nguyễn Văn Thịnh	Nam	09/12/2005	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.5	10.40
481	Đặng Phi Vân	Nữ	15/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.5	10.30
482	H Lêu	Nữ	11/01/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6.5	10.20
483	Đỗ Lê Hoài Nam	Nam	27/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	13.00
484	Lê Ngọc Vũ	Nam	28/07/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	12.70
485	Nguyễn Nhật Quỳnh Nhi	Nữ	05/06/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	12.00
486	Nguyễn Thái Sơn	Nam	30/10/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	12.00
487	Trương Ngọc Ánh	Nữ	10/09/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	11.40
488	Lê Thị Thanh Xuân	Nữ	17/07/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	10.50
489	Mã Quốc Phương	Nam	06/03/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6.4	9.90
490	Trần Mạnh Hùng	Nam	10/02/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.4	9.50
491	Bùi Tấn Dũng	Nam	16/01/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.3	11.90

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
492	Hoàng Văn Cường	Nam	29/12/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.3	11.90
493	Hoàng Trần Phương Uyên	Nữ	27/11/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.3	10.70
494	Võ Ngọc Minh Thư	Nữ	10/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	28				28	6.3	10.60
495	Trần Đức Thịnh	Nam	16/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.3	9.80
496	Nguyễn Bảo Trung	Nam	10/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.3	9.70
497	Mai Huỳnh Diệu Hiền	Nữ	28/06/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6.3	8.90
498	Phạm Quỳnh Như	Nữ	15/10/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.2	12.90
499	Rơ Châm Phiu	Nam	09/03/2005	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27	1		1	28	6.2	11.30
500	Lê Thị Bích Thảo	Nữ	28/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.2	11.00
501	Nguyễn Thành Đạt	Nam	24/01/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.2	10.60
502	Trương Nguyễn Công Đức	Nam	28/06/2006	Kinh	THCS Quang Tiến	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.2	10.40
503	Rah Lan Khưn	Nam	20/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27	1		1	28	6.2	9.80
504	Lê Vi	Nam	20/12/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27	1		1	28	6.2	9.50
505	Lê Anh Công	Nam	18/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.2	9.40
506	Nguyễn Thị Mai Nhi	Nữ	13/03/2005	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.1	10.90
507	Nguyễn Nam Phương Vỹ	Nam	28/05/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.1	10.80
508	Puih Viên	Nữ	18/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27	1		1	28	6.1	10.40
509	Lê Thuỳ Diễm Thi	Nữ	10/08/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.1	10.30
510	Nguyễn Chí Thành	Nam	14/11/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.1	9.80
511	Nguyễn Ngọc	Nam	13/12/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.1	9.30
512	Nguyễn Văn Thành Công	Nam	30/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6.1	8.90
513	Nguyễn Mạnh Đức	Nam	05/12/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6	11.70
514	Đỗ Lê Khánh Đoan	Nữ	17/04/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6	10.70
515	Phạm Thế Thắng	Nam	12/07/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	6	10.50
516	Jôni	Nam	21/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6	10.30
517	Bùi Văn Toàn	Nam	25/04/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6	10.20
518	Phạm Minh Tâm	Nam	09/01/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6	10.00
519	H' Thi	Nữ	18/09/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27	1		1	28	6	10.00
520	Y Sy	Nam	02/08/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27	1		1	28	6	9.40
521	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	03/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	28				28	6	9.10
522	Ngô Bảo	Nam	18/07/2005	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	K	8	K	T	9	TB	K	6	TB	TB	5	28				28	6	8.90
523	Tạ Anh Khôi	Nam	20/07/2005	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	K	8	K	T	9	TB	K	6	TB	TB	5	28				28	6	8.90
524	Phạm Hoàng Như Ý	Nữ	20/10/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.9	8.60
525	Riêng	Nam	17/03/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.8	10.50
526	Hoàng Lê Như Ngọc	Nữ	07/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.8	9.60
527	Hoàng Lê Diệu Linh	Nữ	04/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.8	9.50
528	Trần Nhật Nam	Nam	23/05/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.8	9.00
529	Sali	Nam	29/08/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27	1		1	28	5.8	9.00
530	Lê Thị Xuân Uyên	Nữ	07/02/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.7	10.70
531	Lê Anh Tuấn	Nam	15/02/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	28				28	5.7	9.80
532	Bê Ly A	Nữ	17/07/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27	1		1	28	5.7	8.90
533	Trần Gia Bảo	Nam	17/12/2006	Kinh	Huỳnh Thúc Kháng	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.7	8.50
534	Nguyễn Anh Lộc	Nam	27/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	28				28	5.6	8.80
535	Lê Bích Châu	Nữ	23/06/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	28				28	5.5	9.50
536	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	11/04/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	K	T	9	TB	K	6	TB	T	7	28				28	5.2	8.90

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
537	Võ Lương Quỳnh Như	Nữ	23/10/2004	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	7.2	12.10
538	Trần Thị Kim Anh	Nữ	03/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	7.2	12.00
539	Nguyễn Bá Khiêm	Nam	16/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	7.2	11.80
540	Hoàng Thị Tuyết Nhi	Nữ	29/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	7.2	10.90
541	Đỗ Hồng Phúc	Nam	04/06/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	7.1	13.80
542	La Định Sơn	Nam	07/01/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	27				27	7.1	13.00
543	Trần Đức Tài	Nam	25/07/2005	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	7.1	10.70
544	Nguyễn Tuấn Tài	Nam	11/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	7	11.40
545	Nguyễn Minh Vũ	Nam	21/06/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	K	T	9	27				27	6.9	13.40
546	Trịnh Quốc Việt	Nam	30/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.9	12.00
547	K'sor A - Lin	Nam	17/10/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	26	1		1	27	6.9	10.90
548	Huỳnh Châu Bảo Nguyên	Nữ	16/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	K	K	8	27				27	6.8	11.90
549	Lê Sỹ Tấn Tài	Nam	15/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	27				27	6.8	11.40
550	Nguyễn Lê Hương Giang	Nữ	30/08/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.8	10.80
551	Đỗ Thị Lệ	Nữ	12/08/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.8	10.60
552	Nguyễn Chí Của	Nam	14/05/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	K	T	9	TB	TB	5	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.8	10.30
553	Nguyễn Thi Thu Hương	Nữ	25/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.8	9.50
554	Trần Văn Vinh	Nam	20/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.7	10.80
555	Ngô Lương Quốc Phúc	Nam	21/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.7	10.20
556	Nguyễn Minh Triết	Nam	04/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	K	K	8	27				27	6.6	13.50
557	Võ Thành Hảo	Nam	23/05/2005	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	K	K	8	TB	TB	5	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.6	11.50
558	Nguyễn Quỳnh Thảo My	Nữ	05/07/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.5	12.30
559	Tạ Tấn Đạt	Nam	07/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.5	11.00
560	Lê Nguyễn Hoàng Vương	Nam	06/05/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	27				27	6.5	10.40
561	Nguyễn Văn Quý	Nam	27/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	K	6	K	K	8	TB	T	7	27				27	6.5	9.90
562	Trần Quốc Hoàng	Nam	17/03/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	K	K	8	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	27				27	6.4	12.30
563	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	26/07/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.4	11.90
564	Nguyễn Nhã Vy	Nữ	25/07/2005	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.4	10.90
565	Đinh Thị Dung Hạnh	Nữ	28/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.4	10.50
566	Huỳnh Lý Hùng	Nam	28/11/2005	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.4	10.00
567	Trần Ngọc Đạt	Nam	21/02/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.3	11.80
568	Lâm Chí Nhã	Nam	16/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.3	11.60
569	Nguyễn Hoàn Quốc Thắng	Nam	04/11/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.3	11.20
570	Kơ Pă Tinh	Nam	22/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26	1		1	27	6.3	11.00
571	Y Mlôm	Nam	08/10/2004	Rơ lay	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26	1		1	27	6.3	10.90
572	Đỗ Bá Trí	Nam	14/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.3	10.70
573	Nguyễn Hồng Mỹ Dung	Nữ	18/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.3	10.40
574	Phạm Thị Bình An	Nữ	16/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.3	10.00
575	Siu Y Rôm	Nam	17/05/2006	Gia-rai	Trường THCS Lương Thế Vinh	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26	1		1	27	6.3	10.00
576	Nguyễn Văn Sang	Nam	17/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	K	K	8	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	27				27	6.3	9.60
577	Phạm Hạnh Nghi	Nữ	09/01/2006	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.2	12.40
578	Trần Minh Trí	Nam	11/12/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.2	10.90
579	Rơ Châm Vên	Nam	14/02/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26	1		1	27	6.2	10.80
580	Võ Phú Thịnh	Nam	22/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.2	10.70
581	Huỳnh Tấn Lộc	Nam	18/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.2	9.50

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
582	Bùi Thị Thanh Thương	Nữ	17/03/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.1	10.60
583	Trần Phương Uyên	Nữ	04/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6.1	10.50
584	Trương Anh Tuấn	Nam	02/12/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	T	7	K	T	9	TB	K	6	TB	TB	5	27				27	6.1	9.80
585	Bùi Trọng Nghĩa	Nam	13/01/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.1	9.70
586	Trần Hoàng Nhân	Nam	06/06/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.1	9.60
587	Nguyễn Thanh Trọng	Nam	10/10/2006	Kinh	TH-THCS Nguyễn Chí Thanh	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.1	9.50
588	Nguyễn Hữu Tân	Nam	26/01/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6.1	9.40
589	Võ Quốc An	Nam	08/11/2004	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6.1	9.00
590	Đinh Bảo Trâm	Nữ	22/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6	11.70
591	Nguyễn Bá Thi	Nam	21/01/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6	10.50
592	Nguyễn Thị Thúy Diễm	Nữ	05/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6	10.40
593	Đoàn Quốc Thiện	Nam	07/05/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	6	10.30
594	Phạm Tấn Tài	Nam	25/05/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	6	9.30
595	Nguyễn Văn Hậu	Nam	13/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	6	9.20
596	Đỗ Tiến Trung	Nam	03/05/2005	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.9	11.10
597	Trần Anh Nguyên	Nam	02/07/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.9	10.90
598	Pyưng	Nam	16/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26	1		1	27	5.9	10.70
599	Trần Huỳnh Anh Vũ	Nam	13/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	5.9	10.50
600	Trần Minh Quân	Nam	16/09/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	5.9	9.30
601	Phan Bá Khôi	Nam	20/05/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.8	10.40
602	Trần Đình Phúc	Nam	21/12/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	K	8	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	27				27	5.8	10.40
603	Võ Trọng Hữu	Nam	22/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	27				27	5.8	10.10
604	Siu Niêm	Nam	28/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26	1		1	27	5.8	9.90
605	Cái Thành Thịnh	Nam	05/06/2005	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	K	T	9	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	27				27	5.8	9.20
606	Phạm Ngọc Quốc Dũng	Nam	05/08/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.8	9.20
607	Huỳnh Sỹ Hùng	Nam	26/12/2004	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.8	8.80
608	Lê Minh Vũ	Nam	16/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	27				27	5.8	7.30
609	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	18/06/2005	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.7	8.70
610	Nguyễn Văn Thống	Nam	06/09/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.6	9.50
611	Tưởng Hoàng Hiếu	Nam	01/12/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.4	10.10
612	Phan Nguyễn Tiểu Đan	Nữ	11/01/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	27				27	5.3	9.70
613	Nguyễn Tuyết Mai	Nữ	28/09/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	26				26	7.2	11.00
614	Trịnh Đức Linh	Nam	21/06/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	7	11.40
615	Ngụy Anh Khoa	Nam	10/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	TB	5	TB	K	6	K	T	9	26				26	6.9	11.70
616	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	06/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.9	11.70
617	Phạm Ngọc Hoàng Thiên	Nam	09/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.9	10.40
618	Đặng Thanh Huy	Nam	27/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	26				26	6.8	10.60
619	Nguyễn Trường Vỹ	Nam	14/11/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.7	11.00
620	Ngô Lương Quốc Đại	Nam	21/02/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.7	9.70
621	Nguyễn Văn Đình	Nam	31/03/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.7	9.50
622	Hồ Phước Anh Vũ	Nam	20/05/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	26				26	6.6	10.20
623	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	01/03/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.5	11.30
624	Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	17/09/2006	Kinh	THCS Huỳnh Thúc Kháng	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.5	10.90
625	Nguyễn Lê Hoàng Vũ	Nam	26/05/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.5	9.80
626	Nguyễn Thành Danh	Nam	18/07/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	26				26	6.5	9.60

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
627	Trương Thị Mỹ Oanh	Nữ	24/06/2006	Kinh	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.4	11.20
628	Trần Nhật Nam	Nam	20/07/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.4	11.00
629	Bùi Văn Sinh	Nam	25/04/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.3	12.30
630	Nguyễn Lê Nhật	Nam	06/05/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.3	11.00
631	Đinh Yang Nam	Nam	24/05/2006	Ba-na	Trường THCS Phạm Hồng Thái	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25	1		1	26	6.3	10.90
632	Hà Trùng Dương	Nam	01/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.3	10.90
633	Ngô Tiến Đạt	Nam	07/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	26				26	6.3	10.50
634	Trần Ngọc Long	Nam	04/09/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.3	10.30
635	Nguyễn Tấn Hoàng	Nam	25/05/2005	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6.3	9.60
636	Đỗ Ngọc Minh Tiến	Nam	25/08/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.2	10.60
637	Nguyễn Xuân Trường	Nam	05/10/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.2	10.10
638	Huỳnh Quốc Thiên An	Nam	23/09/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.1	11.80
639	Trương Phan Hải	Nam	10/04/2005	Kinh	TH-THCS Lê Văn Tám	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.1	11.20
640	La Hoàng Phát	Nam	18/08/2006	Hoa	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	6.1	9.90
641	Trần Trọng Quốc Tân	Nam	09/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6	11.20
642	Nguyễn Hoàng Oanh	Nam	29/07/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	26				26	6	10.70
643	Tạ Quốc Hùng	Nam	10/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	6	10.20
644	Nguyễn Trương Hàm Huy	Nam	30/06/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	26				26	6	9.60
645	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	21/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	5.9	10.80
646	Lê Sỹ Nhân	Nam	04/12/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	26				26	5.9	10.40
647	Ksor Tuyên	Nam	05/08/2005	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25	1		1	26	5.9	9.60
648	Puih H'linh	Nữ	01/04/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	25	1		1	26	5.9	9.50
649	Lương Thanh Tịnh	Nam	26/06/2004	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	5.8	10.20
650	Xuôn	Nữ	25/07/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25	1		1	26	5.8	9.10
651	Rah Lan Duẫn	Nam	04/02/2006	Gia-rai	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25	1		1	26	5.7	9.60
652	Nguyễn Thế Hoàng Long	Nam	21/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	5.6	10.00
653	Kpă Khiêm	Nam	15/04/2004	Gia-rai	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25	1		1	26	5.6	8.20
654	Võ Gia Lợi	Nam	29/10/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	26				26	5.4	9.00
655	Võ Nhật Sinh	Nam	17/10/2006	Kinh	Trường trung học cơ sở Trưng Vương	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	26				26	5.3	9.70
656	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	29/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	26				26	5.3	9.50
657	Tô Kim Dịu	Nữ	19/08/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	T	7	TB	T	7	TB	K	6	26				26	5.3	9.50
658	Tô Thành Phát	Nam	19/11/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	TB	T	7	26				26	5.2	9.80
659	Nguyễn Thành Phong	Nam	16/04/2006	Kinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	25				25	6.5	10.40
660	Võ Trọng Hiếu	Nam	06/04/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	6.4	11.30
661	Đặng Hữu Thiên	Nam	08/03/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	25				25	6.4	10.40
662	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	25/03/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	6.4	10.40
663	Đào Thanh Sang	Nam	29/11/2006	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	25				25	6.3	11.20
664	Nguyễn Hồng Quý	Nam	10/03/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	6.2	10.50
665	Trần Trọng Tấn Tài	Nam	19/09/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	25				25	6.1	10.60
666	Ngô Đức Vinh	Nam	13/11/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	6	10.80
667	Nguyễn Chí Thực	Nam	12/11/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	6	10.60
668	Siu Y H' Ngọc	Nữ	07/10/2006	Gia-rai	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	24	1		1	25	6	9.70
669	Phạm Ngọc Gia Bảo	Nam	30/01/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	25				25	5.8	10.40
670	Võ Quang Vinh	Nam	07/02/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	5.8	10.10
671	Lầu Ngọc Nguyên	Nam	25/08/2006	Hoa	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	5.8	9.40

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm tính theo kết quả 4 năm THCS												Tổng điểm xếp loại	Điểm cộng thêm			Điểm xét tuyển	Điểm TBCM cả năm lớp 9	Tổng điểm TBCN của toán và ngữ văn
						Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9				Điểm UT	Điểm KK	Tổng cộng			
						HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm	HL	HK	Điểm							
672	Lê Minh Sang	Nam	14/03/2006	Kinh	Trường THCS Ngô Gia Tự	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	5.7	10.20
673	Nguyễn Bình Phong	Nam	10/10/2006	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ	K	T	9	Y	K	0	Y	TB	0	TB	K	6	15				25	5.7	7.70
674	Lê Đình Tuấn	Nam	19/04/2006	Kinh	Trường THCS Trần Phú	TB	K	6	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	25				25	5.6	10.10
675	Đỗ Diệu Linh	Nữ	12/02/2005	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng	TB	T	7	TB	T	7	Y	K	0	TB	K	6	20				25	5.5	10.00
676	Nguyễn Gia Bảo	Nam	28/06/2005	Kinh	Trường THCS Nguyễn Du	TB	K	6	TB	K	6	TB	T	7	TB	K	6	25				25	5.1	8.50